

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 23 /2017/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về cơ chế quản lý thực hiện
các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê
duyet chủ trương đầu tư các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020;
Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương
trình mục tiêu quốc gia;
Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2016 - 2020;
Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2016 - 2020;
Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 967/SKHĐT-LĐVX
ngày 09/5/2017 (sau khi thống nhất với các sở, ngành liên quan); Ý kiến thống
nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về cơ chế quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2017.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX, TH.
- Gửi:
 - + VB giấy: Các TP không nhận bản ĐT.
 - + VB điện tử: Các thành phần còn lại.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh

QUY ĐỊNH

**VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND
ngày 14/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về xây dựng kế hoạch, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn; tổ chức, điều phối, theo dõi, kiểm tra và đánh giá trong quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần, tiểu dự án thành phần

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Văn phòng điều phối thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh là cơ quan thường trực Chương trình.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực Chương trình.

a) Dự án 1: Chương trình 30a

- Các tiểu dự án: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (Tiểu dự án 1), Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (Tiểu dự án 2), Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (Tiểu dự án 4): Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện.

- Tiểu dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện.

b) Dự án 2: Chương trình 135

- Các tiểu dự án: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó

khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Tiểu dự án 1), Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn (Tiểu dự án 3): Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện.

- Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện.

c) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cùng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện.

d) Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện.

đ) Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Chương II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 3. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hàng năm của các đơn vị, địa phương được lập cùng với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Căn cứ lập kế hoạch, nội dung kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hàng năm được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc lập kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn chi tiết tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần, căn cứ vào hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc ngành quản lý của năm tiếp

theo, tổng hợp để gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hàng năm.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính căn cứ các mục tiêu kế hoạch 5 năm, hàng năm, nhiệm vụ, nhu cầu kinh phí để cân đối, tổng hợp, báo cáo Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, báo cáo HĐND tỉnh, làm cơ sở báo cáo các Bộ chủ quản các Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần và đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ bố trí cân đối vốn cho địa phương thực hiện.

Điều 4. Trình tự xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

1. Các cơ quan, địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm kế hoạch (gồm mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn) gửi các cơ quan chủ trì thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần trước ngày 10 tháng 7 hàng năm.

2. Các cơ quan chủ trì thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu và xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hàng năm để tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung toàn tỉnh, đồng thời gửi các cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia ở Trung ương để đăng ký nhu cầu vốn cho năm kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh, trình UBND tỉnh, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh thống nhất; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

Điều 5. Phân bổ kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia do Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư sau thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ khi nhận được thông báo) kịp thời thông báo cho các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần căn cứ quy định hiện hành và tình hình thực tế của các đơn vị thụ hưởng chương trình để đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ kế hoạch vốn cho từng dự án của Chương trình (đối với các dự án có từ 2 đơn vị tham gia thực hiện trở lên thì phân bổ kinh phí chi tiết đến các đơn vị thực hiện); trong đó chỉ rõ hoạt động ưu tiên, mức và lý do tăng, giảm kinh phí cho các dự án so với năm báo cáo.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện các dự án thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan để dự kiến phương án phân bổ chi tiết kế hoạch, dự toán chi thực hiện từng chương trình

mục tiêu quốc gia theo từng nội dung, hoạt động, dự án đầu tư thực hiện chương trình; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định phương án phân bổ vốn, tổng hợp cân đối, dự kiến phân bổ kế hoạch toàn bộ các chương trình mục tiêu quốc gia, xem xét khả năng lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án và các nguồn vốn khác (nếu có) đảm bảo quy định và các giải pháp thực hiện để báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh (hoặc Thường trực HĐND tỉnh), quyết định giao cho các Chủ đầu tư và UBND cấp huyện, các đơn vị tổ chức thực hiện cùng với các chỉ tiêu kinh tế xã hội khác; giao nhiệm vụ cho các Sở, Ban, ngành có liên quan để hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phải được phân bổ tập trung, không dàn trải, đảm bảo hiệu quả nguồn vốn, đúng mục đích của Nhà nước. Mức vốn, kinh phí phân bổ cho từng chương trình không thấp hơn dự toán Trung ương giao.

Điều 6. Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn, kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn, kinh phí thực hiện các chương trình, dự án mục tiêu quốc gia từ nguồn ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối với vốn đầu tư phát triển: Thực hiện quản lý, thanh, quyết toán vốn theo quy định đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành của Nhà nước.

3. Đối với vốn sự nghiệp: Cơ quan thực hiện dự án lập dự toán kinh phí theo quy định về nội dung và định mức của các Bộ, ngành quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia Trung ương; báo cáo cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần và gửi Sở Tài chính thẩm định dự án. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra thanh toán kinh phí theo chế độ nhà nước quy định hiện hành.

4. Các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm báo cáo cụ thể kết quả thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu và kinh phí của chương trình, dự án mục tiêu quốc gia về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

Chương III

HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 7. Huy động nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Huy động nguồn vốn

a) Huy động các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, xã để tổ chức triển khai thực hiện chương trình;

b) Huy động tối đa vốn đầu tư của doanh nghiệp; đóng góp của cá nhân, các tổ chức;

c) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân nước ngoài;

d) Huy động vốn tín dụng, bao gồm tín dụng ưu đãi và tín dụng thương mại;

đ) Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm huy động và đảm bảo cân đối nguồn lực để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình được giao.

Điều 8. Sử dụng kinh phí được lồng ghép từ các chương trình, dự án khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Nguyên tắc lồng ghép

a) Lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn để thực hiện một hoặc nhiều chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi và phải đảm bảo tính đồng bộ, phát huy hiệu quả các chương trình, dự án;

b) Việc lồng ghép các nguồn vốn được thực hiện từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả;

c) Việc lồng ghép các nguồn vốn phải được thực hiện cụ thể, xác định thứ tự ưu tiên đối với từng công trình, từng tiêu chí và ưu tiên đầu tư cho các xã đăng ký về đích nông thôn mới (theo các Quyết định của UBND tỉnh);

d) Quá trình thực hiện lồng ghép nguồn vốn phải đảm bảo các mục tiêu, tiêu chí, nhiệm vụ riêng của các chương trình, dự án;

đ) Trong quá trình thực hiện lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi mục tiêu, tổng mức vốn đầu tư phát triển, tổng mức kinh phí sự nghiệp được giao. Đối với các chế độ, tiêu chuẩn, định mức liên quan đến con người, hộ gia đình, phải đảm bảo đủ kinh phí, thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức nhưng phải tiết kiệm nhất và không được sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện cho các mục tiêu, nhiệm vụ khác.

2. Cơ chế thanh toán, quyết toán nguồn vốn đối với các nội dung, nhiệm vụ được lồng ghép thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của từng chương trình, dự án hoặc thống nhất áp dụng theo quy định của chương trình mục tiêu quốc gia hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phù hợp với cơ chế quản lý của Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế của các chương trình, dự án được lồng ghép.

Điều 9. Sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương IV

THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 10. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án thuộc Chương trình

1. Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án thuộc Chương trình là hoạt động thường xuyên của cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần nhằm đảm bảo chương trình, dự án được thực hiện đúng mục tiêu, đúng tiến độ, có chất lượng và trong khuôn khổ các nguồn lực đã được xác định.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm thiết lập hệ thống theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá thực hiện Chương trình.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ (6 tháng, 9 tháng) và đột xuất (nếu cần thiết) về tình hình và kết quả thực hiện chương trình, dự án mục tiêu quốc gia trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Các cơ quan thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm định kỳ (hàng quý, 6 tháng, hàng năm) báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án, gửi cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần và Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

a) Báo cáo hàng quý được lập vào giữa tháng cuối của mỗi quý và gửi chậm nhất vào ngày 30 của tháng cuối quý.

b) Báo cáo 6 tháng được lập cùng với việc xây dựng kế hoạch và dự toán thực hiện dự án, chương trình mục tiêu quốc gia và gửi chậm nhất vào ngày 05 tháng 7 cùng năm.

c) Báo cáo năm được lập cùng với báo cáo đề xuất phân bổ kế hoạch vốn thực hiện dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và gửi chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 cùng năm.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chương trình định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm với Bộ, ngành quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia và Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo chung toàn tỉnh.

3. Định kỳ (6 tháng, hàng năm) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng báo cáo tình hình và kết quả thực hiện các

chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, trình Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh (sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo CTMTQG), Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chậm nhất vào ngày 25 tháng 7 cùng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và cuối tháng 3 năm sau (đối với báo cáo năm).

4. Trong các báo cáo định kỳ, cần đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia so với kế hoạch theo từng mục tiêu, nhiệm vụ, những thay đổi (nếu có) và tình hình chấp hành dự toán được giao. Trong trường hợp Chương trình không đảm bảo tiến độ thực hiện so với dự kiến, báo cáo cần nêu rõ lý do chậm, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất phương án khắc phục.

Điều 12. Báo cáo giữa kỳ, báo cáo kết thúc Chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Vào năm thứ ba của kỳ kế hoạch 5 năm, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần chủ trì, phối hợp với các cơ quan thực hiện dự án lập báo cáo đánh giá giữa kỳ gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Bộ, ngành quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 20 tháng 7 cùng năm nhằm đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Chương trình từ khi bắt đầu và đề xuất các điều chỉnh cần thiết.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, trình Ban chỉ đạo Chương trình MTQG của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 7 năm thứ ba của kỳ kế hoạch 5 năm.

2. Vào cuối chu kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần chủ trì, phối hợp với các cơ quan thực hiện dự án lập báo cáo về kết quả thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Bộ, ngành quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 30 tháng 01 năm đầu tiên sau khi kết thúc Chương trình.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 5 năm, trình Ban chỉ đạo Chương trình MTQG của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 3 năm đầu tiên sau khi kết thúc Chương trình.

3. Trong báo cáo giữa kỳ và báo cáo tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia phải đánh giá được: Kết quả thực hiện mục tiêu chung, các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và tác động của Chương trình đối với ngành, lĩnh vực có liên quan; tính hiệu quả và bền vững của Chương trình, các bài học kinh nghiệm về quản lý; đề xuất các giải pháp cần thiết trong giai đoạn tiếp theo để duy trì kết quả của Chương trình. Trong trường hợp Chương trình không đạt được những mục tiêu và kết quả đầu ra dự kiến, phải phân tích các nguyên nhân.

Điều 13. Kinh phí quản lý, giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Kinh phí quản lý, giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia

a. Đối với cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần: được bố trí trong nguồn kinh phí sự nghiệp của Chương trình.

b. Đối với cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Chương trình MTQG của tỉnh (Sở Kế hoạch và Đầu tư): Được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên hàng năm thuộc ngân sách tỉnh và theo dõi theo khoản mục riêng.

2. Nội dung chi và mức chi đối với kinh phí quản lý Chương trình:

a. Chi xây dựng khung giám sát và các chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về thực hiện các Chương trình.

b. Chi giám sát, kiểm tra đánh giá đột xuất, định kỳ hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ các Chương trình mục tiêu quốc gia; báo cáo tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện; hội nghị giao ban và sơ kết, tổng kết các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Chương V

CƠ CHẾ ĐIỀU PHỐI VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 14. Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Thường trực Ban chỉ đạo là Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Thành viên của Ban chỉ đạo là đại diện lãnh đạo các sở, ngành liên quan. 2. Ban chỉ đạo Chương trình MTQG của tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, quản lý, điều hành việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên phạm vi địa bàn tỉnh.

3. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình MTQG của tỉnh do ngân sách tỉnh bảo đảm.

Điều 15. Cơ chế điều phối, phối hợp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Ban chỉ đạo Chương trình MTQG của tỉnh có vai trò điều phối hoạt động của các sở, ban, ngành liên quan; giữa các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã trong quản lý và điều hành thực hiện các Chương trình.

Ít nhất 6 tháng một lần, Ban chỉ đạo Chương trình MTQG của tỉnh tổ chức hội nghị giao ban gồm các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã để trao đổi thông tin về tiến trình thực hiện các Chương trình trên địa bàn; việc phối hợp giữa các cấp các ngành; giải quyết các khó khăn vướng mắc, tìm giải pháp chấn chỉnh các sai sót (nếu có); chia sẻ kinh nghiệm về quản lý và thực hiện các Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực, chủ trì giúp Ban chỉ đạo Chương trình MTQG của tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh điều phối các hoạt động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm trước Ban chỉ đạo Chương trình MTQG của tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, đôn đốc thực hiện, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của Chương trình được giao quản lý.

4. Các cơ quan thực hiện dự án chịu sự điều phối của Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần về kế hoạch vốn, báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện của dự án.

Điều 16. Công khai thông tin Chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm công khai thông tin về Chương trình thuộc quyền quản lý; từ nội dung kế hoạch 5 năm thực hiện Chương trình, chỉ tiêu giao kế hoạch, các báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo giám sát, đánh giá Chương trình, các văn bản pháp lý liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia...

2. Kinh phí duy trì thông tin theo các hình thức phù hợp được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Cơ quan quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương VI TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Là cơ quan tổng hợp các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần trong việc lập kế hoạch thực hiện, báo cáo kết quả huy động nguồn lực, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, đảm bảo theo quy định của pháp luật về sử dụng nguồn vốn đầu tư công thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2017-2020.

3. Chỉ đạo quản lý chung các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần tổng hợp kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2017-2020 để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, báo cáo Chương trình MTQG của tỉnh, UBND tỉnh. Chỉ đạo việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có hiệu quả và đúng mục tiêu.

4. Kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo nội dung quy định tại Điều 10 Quy định này.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần tổng hợp và đề xuất UBND tỉnh phương án xử lý các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền trong quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp; cơ chế thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần tổng hợp kế hoạch, thẩm định phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2017-2020 để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh cân đối nguồn vốn sự nghiệp đối ứng từ ngân sách tỉnh để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn cơ chế thanh toán, quyết toán các nội dung, hoạt động, dự án đầu tư sử dụng cả nguồn lực ngân sách nhà nước và nguồn lực huy động khác. Tổng hợp quyết toán kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo cấp có thẩm quyền.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia 6 tháng, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình

1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh.

2. Tham mưu UBND tỉnh trong việc chỉ đạo triển khai, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh các nội dung liên quan đến các kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2017-2020 (nếu có).

3. Lập kế hoạch thực hiện và đề xuất các giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 5 năm và hàng năm; dự kiến phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương (nếu có) giai đoạn 5 năm và hàng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

4. Phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí tổng mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2017-2020.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát; quyết toán phần kinh phí này theo quy định.

6. Hướng dẫn nghiệp vụ và triển khai các hoạt động của chương trình cho các sở, ngành liên quan và địa phương thực hiện chương trình.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ và đột xuất việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh; báo cáo đánh giá đột xuất tình hình thực hiện khi có những vấn đề phát sinh ngoài dự kiến hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia

1. Trường hợp cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia không phải là cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần có trách nhiệm:

a) Lập kế hoạch thực hiện và đề xuất giải pháp thực hiện dự án thành phần trong kế hoạch giai đoạn 5 năm và hàng năm gửi cơ quan chủ trì thực hiện chương trình để tổng hợp vào kế hoạch chung.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng cơ chế, chính sách và hướng dẫn nghiệp vụ triển khai hoạt động của dự án thành phần cho các cơ quan thực hiện.

c) Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí phần trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của dự án đúng mục đích, có hiệu quả, không để thất thoát; quyết toán kinh phí này theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện dự án thành phần đúng định hướng, mục tiêu và hiệu quả.

đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm, giữa kỳ và kết thúc giai đoạn theo quy định và đột xuất khi có yêu cầu.

2. Trường hợp dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia quản lý, cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia có thể giao đơn vị trực thuộc có chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành tổ chức quản lý, điều hành theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. UBND cấp huyện căn cứ vào hướng dẫn của cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần và các quy định hiện hành về thực hiện Chương trình, xây dựng kế hoạch hoạt động, đề xuất nhu cầu kinh phí giai đoạn 5 năm và hàng năm thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, dự án thành phần gửi cơ quan chủ trì thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần.

2. Chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ các hoạt động, dự án được giao. Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

3. Sử dụng kinh phí của các Chương trình mục tiêu quốc gia theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao trên địa bàn có hiệu quả, không để thất thoát; đảm bảo việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với các tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định về tài chính hiện hành.

4. Xây dựng các giải pháp huy động các nguồn lực của địa phương. Ngoài nguồn kinh phí được giao, được phép huy động các nguồn lực hợp pháp khác để bổ sung thực hiện các hoạt động, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia. Báo cáo mức bổ sung kinh phí (nếu có) cho cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

Điều 22. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Lao động, Thương binh và Xã hội; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Chánh Văn phòng điều phối thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh phù hợp.


**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh